

ĐẠI VIỆT

TẬP CHÍ

REVUE BI MENSUELLE PARAissant LE 1er ET LE 16 DE CHAQUE MOIS
(Autorisé par arrêté du Gouverneur Général N° 500-N du 17 Juillet 1942)

Giám-đốc : **HỒ-VĂN TRUNG ***



MỤC LỤC

Tâm học	TRÚC-HÀ
« Minh bột di ngư » (Một quyển sách, hai thi xả)	NGẠC-XUYỀN
Trương-trọng-Hữu hay Tôn-thất-Mỹ ?	NÊ UY
Ai là nhà phê bình đầu tiên của nước Việt ?	VIÊN-GIÀ
Diễn già và Văn-sĩ.	NGUYỄN-VĂN-XUÂN
« Rương vàng của con tôi » (tiếp theo).	TRƯƠNG-VĨNH-TỔNG
Ái-tình Miếu (tiểu-thuyết)	HỒ BIỂU-CHÁNH



Bao-quan : 5, rue de Reims, Saigon — Gia moi so 0 \$ 40

THE
HONG KONG

TÂM HỌC



HÙNG ta thường nói đến chữ tâm. Có khi ta dịch nó là *tim*, nếu muốn chỉ một khối huyết-nhục; có khi ta dịch nó là *lòng*, nếu muốn chỉ một tình cảm. Y-sĩ bảo bệnh nhơn của mình đau tim chứ không phải đau lòng. Tình-nhân bị phụ bạc, đau lòng chứ không đau tim tuy sự đau lòng có thể đưa đến bệnh đau tim.

Chàng chần chiền trong chuyện « Các ngôi sao » của A. Daudet, suốt đêm được ngồi khít bên cô thiếu-nữ đẹp dễ, con gái của chủ chàng, ở giữa khoảng núi cao thanh vắng, thế mà không một ý nghĩ xấu xa quấy quá nảy ra trong trí. Người ta bảo chàng không có *tà tâm*. Hồ-Tôn-Hiến trong truyện Kiều, gạt Kiều mà hại Từ-Hải, bắt Kiều đánh đàn giúp vui buổi tiệc hạ công, ép Kiều vào cuộc mây mưa, gán Kiều cho một thổ-quan đề đồ xấu, là một kẻ tán tận *lương-tâm*.

Đó là những chữ tâm mà chúng ta đã quen nói ra, ai cũng hiểu. Còn một chữ tâm nữa của đạo nho, nghĩa rất tinh-vi, phải tế nhị nhận mới thấu rõ.

Trong phép tu thân của Nho-giáo, chánh tâm là việc trọng yếu. Bao giờ nhà nho chân chính cũng lo giữ tâm cho được thanh tĩnh, không để các mối tư-dục che lấp sự sáng suốt tự nhiên của nó. Nhưng bắt đầu nói nhiều về chữ tâm là từ Mạnh-Tử trở về sau.

Tâm đây nghĩa là gì ? Trước hết là ý thức. Chúng ta hãy xem cây cỏ mọc trong sân. Mùa xuân đến. Lộc non nảy ra, nụ hoa hé nở. Mùa thu đến. Lá vàng lác đác rơi để lại những cành trơ trọi.

Sự thay đổi trong một năm của cây cỏ cứ tuần-tự theo thời tiết mà thi hành, dưới ảnh hưởng của nắng mưa, nóng lạnh. Sự tuần hoàn của bốn mùa là do cái luật thiên-nhiên, hoặc nói một tiếng khác theo nhà nho, là cái Lý. Cây cỏ biến hình bởi Lý ấy, nhưng chúng nó không có ý thức trong sự biến đổi, vì chúng nó *vô tâm*. Cầm thú không đến nỗi vô tâm như cây cỏ, nhưng thật ra, cầm thú chưa đến độ mà có thể gọi là hữu tâm. Chúng biết tìm ăn, tìm uống, tìm chỗ trú, biết sợ chết, biết thỏa thích khi được mồi, song những cái biết này đều phát sanh do các nhu cầu về thể chất, nên có liên lạc mật thiết với sự sanh

hoạt của thể chất. Riêng loài người là có ý thức trong sự sống của mình. Người ta chẳng những đương sống như vạn vật, lại còn biết rằng mình đương sống, biết suy luận về sự sống và các vấn đề do sự sống gây ra,

Do đâu người ta có cái ý thức ấy ? Do tâm. Tâm không hình thể, không mùi vị, không thời hạn (durée), không diện tích (étendue). Tuy vậy, Tuân-Tử tách bạch được rõ tánh chất của tâm.

Ông nói rằng : « Người ta làm thế nào mà biết đạo ? — Rằng cái tâm. — Tâm làm thế nào mà biết ? — Rằng : hư, nhưt và tĩnh. Tâm chưa từng không chứa, thế mà có cái gọi là hư : tâm chưa từng không hai, thế mà có cái gọi là nhất ; tâm chưa từng không động, thế mà có cái gọi là tĩnh. (Giải tế, XXI)

Thế nào gọi là tâm hư ? « Người sanh ra thì có cái biết, biết thì có cái nhớ. Nhớ là chứa vậy. Thế mà có cái gọi là hư : là vì không lấy cái đã chứa mà hại cái sắp chịu chứa, cho nên gọi là hư. » (Giải tế XXI). Tâm chứa hết cả các thứ cảm giác. Nhưng cái chứa của tâm không như cái chứa của cái kho. Cái kho hề chứa đầy rồi không chứa được nữa, chớ cái tâm thì đã chứa được cái nọ lại chứa được cái kia, không bao giờ hết. Bởi thế lúc nào cũng có cái chứa mà vẫn là hư-không vậy. Người mà có cái tâm hư-không như thế, thì hề thấy điều thiện, thì lúc nào cũng theo được, không bị ứ trệ gì cả.

Thế nào gọi là nhất : « Tâm sinh ra thì có cái biết, biết thì có cái khác. Khác là đồng trong một thời mà gồm biết hết cả, Đồng trong một thời mà gồm biết hết cả, là hai vậy. Thế mà có cái gọi là nhất : là vì không lấy cái một này mà hại cái một kia cho nên gọi là nhất ». (Giải tế XXI)

Tâm phải nhờ sự cảm-giác của ngũ-quan mà biết cái hình, cái sắc, biết thanh-âm trong đục, biết mùi ngọt đắng mặn nhạt. Những sự cảm - giác của ngũ - quan rất là phức-tạp, mà đồng trong một lúc, cái tâm biết rõ được cả. Theo cái tai mà biết tiếng, theo con mắt mà biết hình, không để cho hỗn-loạn, không lấy cái này hại cái kia. Bởi thế lúc nào cái tâm cũng biết nhiều mà vẫn là một.

Thế nào gọi là tĩnh ? « Lúc nằm nghỉ thì tâm mơ-tưởng, lúc cầu thả thì tâm phóng túng, lúc làm công việc, thì tâm lo nghĩ. Cho nên tâm chưa từng không động. Thế mà có cái gọi là tĩnh : là không lấy cái mơ-tưởng mà làm rối-loạn cái biết, cho nên gọi là tĩnh ». (Giải-tế XXI). Tâm lúc nào cũng hoạt-động : lúc mơ tưởng, tâm đề hết cả vào cái mơ tưởng,

lúc lo nghĩ, tâm đề hết cả vào việc lo nghĩ. Thế mà vẫn có cái thường khiến cho lúc chuyển nhất tiếp vật vẫn có cái tri thức sáng suốt, không bị cái gì làm mờ tối đi được. Bởi thế tâm lúc nào cũng động mà vẫn là tĩnh. (Nho giáo quyển II, trang 121-122-123).

Phân tích cái tâm được như thế rất là tinh vi. Sự quan-sát ấy tương tự sự khảo sát của nhà tâm-lý-học. Chỉ khác một điều là nhà tâm-lý-học đời nay chia nội tâm-sinh-hoạt (la vie intérieure ou psychologique) của con người ra từng bộ phận rồi xem xét sự động tác của từng bộ phận đó. Trái lại, Tuân-Tử coi cả nội-tâm-sinh hoạt của con người đều thuộc quyền chủ tể của một vật : ấy là cái tâm. Tư tưởng, ký-ức, cảm giác, nhứt-thiết đều do tâm cả. Nếu thiếu tâm, người ta sẽ sống một đời vô-ý-thức như con vật.

Nhưng cứ phân tích của Tuân-Tử, tâm chưa có thể dùng làm nền tảng cho một nền đạo lý. Nó mới là cái tâm của nhà tâm-lý-học. Tâm của Mạnh-Tử mới thật là cái tâm của nhà đạo học.

Mạnh-Tử, cũng như Khổng-Tử, tin rằng trong vũ trụ có một cái Lý chi phối tất cả vạn vật. Các tinh tú xoay vần giữa không gian, bốn mùa lần lượt nối tiếp nhau, cây cối xanh um tươi tốt lúc xuân về, cầm thú sanh sản, loài người cảm thấy mỗi sanh thú bao la bát ngát, đó là nhờ vật nào cũng cùng chứa Lý ấy ở trong lòng. Quan niệm về cái Lý độc nhứt của vũ trụ này gây ra thuyết « thiên địa vạn vật nhất thể », một lý thuyết có vẻ huyền bí nhưng hiểu được.

Muốn hiểu Lý, trước nên tìm hiểu tâm của chúng ta. Cái tâm, nếu nó đương ở trạng thái bình tĩnh, không bị một vật dục hay một ngoại vật xúc động, tất là hư không, dường như là không có. Khi bị xúc động, nó phát hiện ra.

Cái phát hiện ra đó, gọi là tánh. Tánh thì có nhiều, tâm vẫn là một. Theo một thí dụ của Mạnh Tử, nếu thỉnh linh người ta trông thấy một đứa trẻ sắp rơi xuống giếng, tất ai cũng động lòng trắc ẩn, vội vã chạy lại cứu nó. Lòng trắc ẩn là một phát hiện của tâm bị xúc động. Nó nảy sanh không phải vì một nguyên nhân ích kỷ nào, Người ta trong khi chạy lại cứu lấy đứa trẻ, không phải mong được ai khen ngợi, mà chỉ vì sự sai khiến của tấm lòng trắc ẩn thôi.

Đạo Nho thường nói đến bốn đức lớn : nhơn, nghĩa, lễ, trí. Mạnh tử giải rằng không phải vô cớ mà người ta bày ra bốn đức ấy. Ông nói :

« Không có lòng trắc ẩn, không phải là người ; không có lòng tu ố không phải là người : không có lòng từ nhượng, không phải là người ; không có lòng thị phi không phải là người. Lòng trắc ẩn là cái mối của nhân, lòng tu ố là cái mối của nghĩa, lòng từ nhượng là cái mối của lễ, lòng thị phi là cái mối của trí. Người ta có bốn mối ấy như có tứ thể vậy. » (Vô trắc ẩn chỉ tâm, phi nhơn dã, vô tu ố chỉ tâm, phi nhơn dã, vô từ nhượng chỉ tâm, phi nhơn dã, vô thị phi chỉ tâm, phi nhơn dã. Trắc ẩn chỉ tâm, nhơn chi đoan dã ; tu ố chỉ tâm, nghĩa chi đoan dã ; từ nhượng chỉ tâm, lễ chi đoan dã ; thị phi chỉ tâm, trí chi đoan dã. Nhơn chi hữu thị từ đoan dã, do kỷ hữu tứ thể dã). Thí dụ trên chứng minh rằng lòng trắc ẩn đã phục sẵn trong tâm người. Chính nó là đầu mối của lòng nhơn. Ta cũng có thể kiếm nhiều thí dụ để chỉ rằng ai cũng có lòng tu ố, từ nhượng, thị phi.

Vậy thì ba cái đức : nghĩa, lễ, trí cũng không phải do người cố ý tạo ra, mà của người sẵn có.

Cái mà tâm người sẵn có, tức thuộc về thiên tạo. Do đó ta có thể nghĩ rằng lẽ nào Thiên nhiên tạo cho loài người cái mà Thiên nhiên không tự có sẵn hay sao ? Thiên nhiên phải có những đức ấy, mới tạo cho con người được. Tâm người ví như bộ máy thấu thanh mà Thiên nhiên là sở phát âm. Thiên nhiên có phát, tâm người mới thấu được. Con người sở dĩ có các quan niệm về nhơn, nghĩa, lễ, trí là vì tâm người sẵn chứa các mầm ấy do Thiên nhiên phú dữ. Nếu tâm không sẵn chứa, người sẽ không thể cảm.

Các cái lòng trắc ẩn, tu-ố, từ-nhượng, thị-phi sở dĩ có bởi vì có cái nguồn phát hiện của nó tức là Lý huyền-diệu vô hình mà đạo Nho gọi là Trời, và phải có cái chỗ phát hiện tức là con tâm của chúng ta vậy. Vậy tâm người với Lý kia là một. Tâm là một phần tử của Lý, nên đồng một thể với Lý. Xem thế, ta thấy nhà nho muốn tìm hiểu Trời, không phải tìm đâu cho xa mà chỉ trở lại xem xét tâm mình. Phương pháp là dựa vào bản-thể của tâm mà suy-diễn ra bản-thể Trời, để đạt đến cái Lý độc nhất rồi dùng cái lý độc nhất ấy làm căn-bản của tâm. Nên nếu người ta sở dĩ có bốn đức : nhơn, nghĩa, lễ, trí, là vì cái Lý cũng sẵn có bốn đức đã giải ở quẻ Kiền trong kinh Dịch là : Nguyên, hạnh, lợi, trinh. So sánh bốn đức của Lý với bốn đức của người thì « Nguyên tức là nhơn, đứng đầu các điều thiện ; hạnh tức là lễ hội hợp các cái đẹp ; lợi tức là nghĩa, định rõ các

phận cho điều hòa ; trình tước 'à trí, giữ vững cái chính để làm gốc mọi sự. » (Nho giáo I, chương 119)

Theo sự khảo-sát và suy-diễn này, chữ tâm của Mạnh-Tử không giống với bất kỳ chữ nào mà ta thường dùng ngày nay.

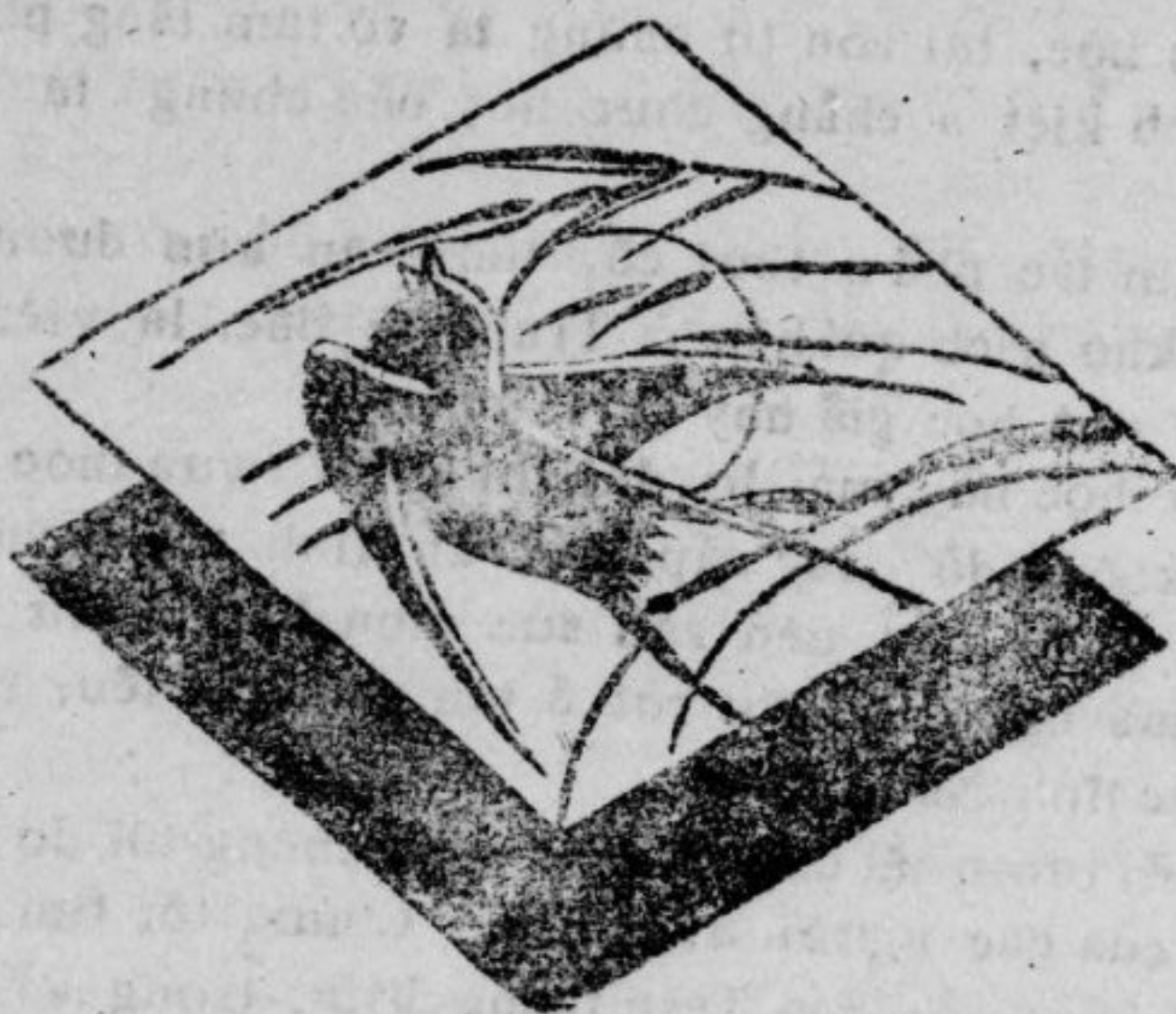
Về tâm lý học, ta có chữ ý thức (conscience), tức là cái năng lực khiến ta có thể hiểu biết cái gì xảy ra trong cõi lòng của ta và chung quanh ta.

Về mặt luân lý, ta có chữ lương tâm (conscience morale) tức là cái năng lực khiến ta biện-biệt sự phải trái và khuyến hướng về đường phải.

Chữ tâm của Mạnh-Tử vừa là ý thức, vừa là lương tâm, vừa là chỗ chứa các đức tốt tiếp nhận được ở Trời. Bởi nó là ý thức, ta mới có ý thức trong sự sống của ta ; bởi nó là lương tâm, nó mới khuyến giục ta làm điều phải, bởi nó là chỗ chứa các đức tốt, nên lẽ nó phát hiện ra là thiện.

(Còn nữa)

TRÚ-BA



Khi các người cần chọn lựa một nghề, thì các người hãy giữ vững để cho cái lợi gần và đều sợ nhọc, cả hai nó cân đo. Hãy chọn những nghề cao giá, những nghề buộc phải học tập lâu ngày và kỹ lưỡng.

Thượng Tướng PÉTAIN

“MINH BỘT DI NGU”

Một quyển sách, hai thi xã



Về mặt văn học, sưu tầm sách vở thời cổ của tiền nhân ta thật là khó. Điều khó ấy xét ra không mấy lạ, nhất là khi ta nhớ lại việc người Tàu tìm thâu sách vở ta trong hồi nước Việt-Nam nội thuộc nhà Minh.

Sưu tầm sách vở ta xuất bản trong thời cận kim ma cũng gặp cảnh khó khăn, thật mới đáng lấy làm lạ, thật đáng lấy làm buồn.

Càng lấy làm buồn khi ta biết rằng sự nghiệp văn học nước nhà đã nghèo ngặt còn thêm vương cái eo.

« Gia tài văn học » của nước người đã dồi dào phong phú, mà người còn chăm nom giữ gìn cẩn thận. Trái lại « gia tài » của chúng ta rất kém cỏi, chúng ta đã không biết giữ gìn để người ngoài cướp bóc, lại còn tự chúng ta vô tâm lãng phí ; bảo sao « nạn khánh kiệt » chẳng chực chờ, nếu chúng ta không mau tỉnh ngộ.

Sưu tầm tác phẩm thời cổ, thời cận kim đương tản trữ trong các kho sách quý báu ở Trung, ở Bắc, là việc nên mong nơi những nhà học giả hay chịu khó.

Kể hậu học này mãi lo đại tới « cái vựa thóc văn học » ít ỏi này không đủ cung cấp thức ăn tinh thần cho cả giống nòi đương khao khát, nên rần sức mơn đi một từ hột, lượm từ bông, mà người bỏ rơi rớt ở tận ruộng biển, ruộng chéo của đất lục tỉnh Nam kỳ.

Muốn đi lượm lật cho có hiệu quả, chúng tôi đo theo đường vạch sẵn của các người đi trước. Chúng tôi tìm trong « Việt Nam Sử Lược » của ông Trần trọng Kim, trong « Văn Đàn Bảo Giám » của ông Trần trùng Viên, thấy có biên tác phẩm của mấy nhà học giả Nam kỳ như Lê quang Dinh với sách « Nhất thống dư địa chí », Trịnh hoài Đức với sách « Gia đình thông chí », « Cẩn trai thi tập », « Minh bột di hoán »...

Quyển sách « Minh bột. . . » này, chúng tôi rất may mắn được đọc. Như thấy hai tựa của nó có nhắc tới nỗi khó khăn của người sưu tầm sách cổ, và như nghĩ nó là một tác

phẩm quý hóa có quan hệ tới hai thi xã xưa ở Nam-kỳ, nên chúng tôi viết mấy dòng này đề trình bày nó cùng chư quý độc giả.

Trước hết xin xét xem nhan đề quyển sách có phải là « Minh bột di hoán » không ?

Cứ theo bốn mà chúng tôi sưu tầm được thì tên sách đề ngoài bìa có chữ « ngư » theo lối cổ tự. Và ở phần bên hữu chữ này có « bộ hỏa » thay cho « bốn chấm chun » nên mới trông thoán qua có thể nhận lầm là chữ « hoán », nhưng rõ thật là chữ « ngư ».

Đọc vào trong càng thấy rõ là chữ « ngư ». Bằng cứ : trong bài « tân tự », bốn chữ « Minh bột di ngư » in lối chữ « chân », cũng như ba chữ « Di ngư soạn » đề dưới bài « Lư - Khê nhân điệu phú », và nhất là bốn chữ nhan đề sách ấy in lập đi lập lại hơn hai mươi lần ở giữa mỗi tờ sách, chỗ xếp đôi thành hai trang, đề tên sách, cũng như bao nhiêu sách chữ Hán khác. Như đã nói trên, bốn chữ tên sách này, ở các nơi, đều in chữ « chân », chứ không phải chữ « triện » (cổ tự): Thành thử chữ ngư đọc rõ ràng, không còn nhận lầm chữ nào khác được.

Đọc suốt bài « tân tự » của Trịnh cần trai ta mới thấy chỗ ngụ ý của Mạc thiên Tứ là muốn vì mình—một bực di thần nhà Minh—như cá ở biển « Minh » còn sót lại. Nên Mạc-công đề tên sách là « Minh bột di ngư » và đề biệt hiệu là « Di ngư » dưới bài phú « Lư-khê nhân điệu » như trên đã nói.

Do theo mấy bằng cứ trên đây thì tên sách là « Minh bột di ngư » hay đủ hơn « Minh bột di ngư văn thảo » chứ không phải « Minh bột di hoán » như hai ông Trần đã chép.

Quyển sách này có cái đặc sắc là một tập thi họa, in rất công phu, rất có mỹ thuật.

Ngoài bìa, trên đề « Nguyên bản Chiêu anh các », dưới đề « Cần trai phiên khắc tàng bản ».

Thì ra bản in đầu tiên là của « Chiêu anh Các », một nhóm thi nhân ở đất Hà-tiên về khoản đầu thế kỷ XVIII, do Tôn quân công Mạc Thiên Tứ chủ trương. Sau cuộc xâm lược của quân Xiêm, bản in này cùng với thành Hà-tiên bị thiêu hủy.

Vì chỗ đồng chí, liên tài, Cần-trai Trịnh hoài Đức, một nhà văn lỗi lạc, đã từng chủ trương « Sơn hội » cũng gọi là « Gia đình tam gia thi xã » nổi tiếng hồi cuối thế kỷ XVII, sưu tầm sách của « Chiêu anh Các », may gặp được tập « Minh bột

di ngư » liền đề tựa và cho khắc bản in khác, in sách lại để lưu truyền sự nghiệp văn chương của Mạc Thiên Tứ.

Từ đầu chí cuối, bốn sách này in toàn bằng chữ viết đủ các thể : chân, thảo, trện, lệ. Máy tay danh bút thời bấy giờ, người tàu, người mình đều tranh xảo, tranh gàn, để bút tích vào tập thi họa ấy.

Điều quý nhất là trọn bài « tân tự » là bút tích của Trịnh Cán trai viết năm Minh Mạng thứ hai (1821). Mặc dầu chữ ngài phải khắc vào bản rồi mới in ra, nhưng trọn 12 trương chữ thảo của bài « tân tự » này đủ hình dung, duy trì được điệu chữ viết đặc biệt, tài tình của ngài.

Mỗi trương sách đều có chạy không, vẽ hoa, kẻ lá rất đẹp dễ.

Ngoài hai bài tự đầu sách, hai bài bạt cuối sách, toàn tập có một bài phú, 30 bài thi, thấy đều tả một cảnh « Lư Khê nhân diếu », một trong mười cảnh Hà-tiên. Mỗi bài thi in riêng một điệu chữ thảo, có khuôn hoa lá như nói trên, lại còn có một bức họa đối diện bài thi, một bức tranh sơn thủy vẽ theo lối thủy mặc Tàu, trông ra đầy thi vị, nhất là khi miệng bình câu thi, mắt xem bức họa.

Rất tiếc là không thể đăng được ra đây một bức họa hay một vài giòong chữ thảo, chúng tôi xin trích lục một bài thi của Mạc-công và bài « tân tự » của Trịnh Cán trai.

LU KHÊ NHÂN ĐIẾU

« Thủy quốc vân lương canh bất phạm,

« Diên Khê sơn sắc bích sâm nhâm,

« Đạm yên ôn trạo hoành cô đỉnh,

« Tế vũ khinh thoa chương đoãn sam.

« Thôn nhĩ nan đầu đa khẩn tuyền.

« Đình cng thiên tế kiến chinh phạm.

« Tư luân hải ngoại trượng thơ quyên,

« Cổ tiếp thung dung kiểm diếu hàm.

THÍCH NGHĨA :

« Giòng nước, vầng mây đều là cảnh tượng khác phạm.

Theo bờ khe, núi xanh dựng chập chồng.

Trong làn khói nhạt, ngư ông xuôi chèo; thả con thuyền ngang khe.

Mưa ún phún, ông mang chiếc áo tơ nhẹ che ngoài mảnh áo ngắn,

Bên đầu gành, cá nuốt mồi, đường nhợ căng thẳng.

Tay dừng cần trúc, mắt trông trời rộng, thấy cảnh buồm trương.

Nhợ tơ khi cuốn, khi thả nơi hải ngoại.

Gõ chèo, thung dung kiểm điểm lại chiếc hòm câu.»

Lỗi dịch bài :

MINH-BỘT DI NGƯ TÂN TỰ

« Mạc Đô-đốc, Tôn-quân-công, tên là Thiên Tứ, hiệu Sĩ-lân, làm quan Tổng-trấn Hà liên.

« Thân-sinh của ngài là Mạc-Cửu người ở Lôi-châu, Việt-dông, đem cả gia quyến trú phương Nam. ở đất Chơn-lạp, chiếm cứ Hátien. qui thuận triều Nguyễn, được phong chức Thống binh trước hầu.

« Đến Mạc Đô-đốc càng thêm h ể n đạt. Ngài tánh khí khái, thông minh hơn người, học thức uyên bác. Ngài có công ruộng gai mở nẻo, lập nên thành lũy, mộ dân lưu lạc xây dựng cửa nhà, lập ra làng xóm. Nơi thâm sơn cùng cốc, ngài điếm to xây dựng ra lâu đài ; chốn biên cảnh hoang tàn, ngài giáo hóa mở mang nền văn vật.

« Ngài cầu bực hiền tài, kỳ sĩ tự Phú xuân Giadinh tới Quảng-dông để hỏi han về chánh trị, giảng luận về thi văn: mở nền lễ giao tân nơi diên hải, tạo cảnh hồng lai tự chốn lâm sơn.

« Ngài thường lo trừ hoạch việc bảo vệ biên cương ; có khi giờ nhàn hạ lại bày tiệc khoản đãi hàng khách quý.

« Hátien là xứ sở, ngài phân ra làm mười thắng cảnh :

« 1') Kim dư lan đào ; 2') Bình sơn điệp túy. 3') Tiên tự hiều chung. 4') Giang thành dạ cổ. 5') Thạch động thôn vân. 6') Châu nam lạc lộ. 7') Đông hồ ấn nguyệt. 8') Nam phố trường ba. 9') Lộc trĩ thôn cư. 10') Lư khê ngư bạc.

« Ngài cùng khách xướng họa thi thơ, hiệp thành 320 chương, tập thi này trao cho thợ in khắc thành bản.

« Lư-khê chính là một trong mười cảnh Hátien vậy. Về cảnh này có bài phú hơn trăm lời, thí 32 vắn, đều là của ngài làm ra, rồi hiệp cả lại cho nhan đề là « Minh-bột di ngư », gọi là ngư mỗi u hoài cảm khái tự chốn thâm tâm, chớ nào phải vì chén rượu câu thi mà xướng suông họa hảo đâu.

« Mạc công vốn thọ bẩm một khối tinh thành, phụ vào một tâm hồn nghệ sĩ, khác nào một bức danh họa, trước khi được tô điểm xinh tươi, đã chịu một màu trắng tinh làm nền họa ; chớ lúc ấy há phải là thời buổi để ngài nhả ngọc phun châu, đương mây, thỏ khí, được tỏ đều đặc chí đâu.

« Chính vì ngài canh cánh nỗi cảm hoài cố quốc, đồ thành mất tích, biến thành khuông cảnh «thữ ly» (1). Ngài tư lương uất ức : dẫn lòng trung phần hư vô, gởi giọng sóng bạc ; môn

(1) Đồng lúa oân oại thay vào cảnh cỏ thành của nhà Châu bị Cừu Khuyển-nhung chiếm cứ ; cảnh vong quốc.

mắt từ phần muôn dặm, trông đám mây ngàn : nên ngài mượn lối thi thơ để giải bày tâm sự, ta há nên bình nghị ngài về chỗ vui chơi nhàn hạ như ai đâu.

« Tôi vào tuổi thành đồng (hai mươi) đã từng thấy : « Hà-tiên thân cảnh toàn tập », « Minh bột di ngư thi thảo », « Hà tiên vịnh vật thi tuyển » ; « Châu thị trình liệt tạng ngôn », « Thi truyện tạng Lưu tiết phụ », « Thi thảo, cách ngôn vị lập », phẩm sáu bộ sách đã xuất bản, lưu hành.

« Gần xa các sĩ phu đọc từng bài, thưởng thức và thán phục.

« Dầu ở tận cõi Nam-thủy, Hà-tiên cũng nhờ đó mà trở thành trời Châu, đất Lỗ, nổi dậy tiếng tăm.

« Từ Hà-tiên gặp cơn binh hỏa, bản phiên sách xưa đều bị ngọn lửa cay nghiệt cháy thiêu, sách lưu hành cũng vì đó mà lần lần thất lạc.

« Đến lúc ra giúp nước, tôi cố tìm các sách ấy mà không được gặp. Thường trăn trọc thâu đêm, trí mãi vẫn vướng lo nghĩ về việc sưu tầm sách mất.

« Tuy nhiên, nhờ tới Mạc-công có phải chỉ vì một việc văn thi phong nhã đó đâu.

« Toàn thể công nghiệp lớn lao của ngài, tài đức cao siêu chói lọi của ngài, từ xưa đến nay, công luận thấy đều xưng tụng, xét ra thật là chẳng ít :

Kia chiếc thân bèo giạt, khai thác muôn dặm đất đai, khéo chọn minh quân mà phụng sự, tự làm rào dậu cho quốc gia, biết chước an toàn cho con cháu. nay cháu ngài là Du (1) hiện đương kế chức : Vậy đủ rõ trí thức của ngài sáng suốt, rộng rãi là dường nào !

« Kia thời kỳ thảo muội, cương trường lắm việc, ngài cùng với Gia-định Khẩn-soái, Tham-muru Nghi-biền-hầu Nguyễn-cư-Trình (2) tới lui bàn luận, trừ tính việc quốc kế dân sanh, được thỏa hiệp nhiên phượng, nay hãy còn roi dáu tích bao nhiêu côngtrình xưa để ngư phòng ngoại xâm, chỉnh tu nội trị : Vậy đủ rõ tài lược kinh tế của ngài là dường nào ?

« Kia năm Tân mao (1771) đầu mùa đông, quân Xiêm xâm lược, thành cõi không binh viện, ngài phời thân chốn rừng tên núi đạn, khuyến khích sĩ khí, quân tâm, chống giữ thành

(1) Mạc-công Du con của Mạc-tử-Huỳnh.

(2) Nguyễn-cư-Trình người xưng ra chánh sách « Tâm thực » (chiếm đất Châu lập lần lần như tâm ăn dâu) tác giả « Sải vãi » và « Trạm an tập », tại là người tâm đắc với Mạc thiên Tứ cùng xưng họ trong Hà-tiên thập vịnh.

trì vững vàng suốt tháng. Đến lúc « Thập-thành » (1) bị công hãm, ngài tự đốc chiến nơi ngô hẻm, đương nguy, nguyên còn mặt với cô thành : Vây đủ rõ anh dũng, khi tiết của ngài là đường nào !

« Kia lúc kinh sư nghiêng đổ, ngư giả vào Nam, cộp đôi cường áp vùng Định-viên, rờng thần thất thế tại Càn-thơ, ngài thiếu cả binh nhung, bộ tướng cũng chẳng có, thế mà ngài liều thân bảo vệ Nguyên-Vương, ủy thác phần con kháng cự với quân giặc (2) : Vây đủ rõ lòng trung nghĩa phấn phát của ngài là đường nào !

« Kia gặp hồi vận nước đa truân, anh hùng không nơi dụng võ, ngài sang đất Xiêm la, trù nghĩ phương bình viện ; chẳng may gặp phải vị vua vô đạo, nghe lầm lời sam gian của triều thần, ngờ ngài lập cơ mưu chiếm nước đoạt ngôi, khiến ngài chịu hãm can, ôm mối trung thành mà tự tận (3). Đó có phải là điềm trời chưa khai thông cuộc trị bình chăng ? Vây có nên trách cứ mưu lược của người chăng ?

« Tôi vẫn khâm phục đạo làm người của Mạc - công, mà cũng thương hại ngài ở chỗ thời mạng chẳng gặp. Tôi vẫn mong uêu cao danh tiết ngài sừng sững đứng vững muôn năm, tranh vinh cùng sông núi.

« Năm Canh thìn (1820) mùa hạ, vắng mạng về kinh, thọ lãnh bộ vụ, tôi may gặp được tập «Lu-khê nhàn điệu» của ngài, rất khoan khoái đọc suốt cả đầu đuôi, mới rõ năm Bính thìn (1736), tháng hai ngài in bản «Chiêu-anh-Các».

« Nguyên bản có đoạn khuyết mất không thể so sánh đâu được, tôi bèn lấy ý riêng bổ khuyết vào, rồi giao cho nhà in khắc bản khác. Chỗ dụng tâm là in lại sách của Mạc-công, mong để lại dấu tích như «Cam đàn», « Nghiện bi » (4) khiến

(1) Thập-thành thành Hà-tiên. Tiền sử Mạc thiên Tư trong Liệt truyện có chép năm tân mao mùa thu, tại Hà-tiên có trông thấy vẻ hướng Nam mọc mống đỏ, có 2 chia làm thành chữ thập chính là điềm thành thất thủ vào tháng mười.

(2) Con Mạc thiên Tư là Tham tướng Mạc từ Duyên chống với quân Tây sơn tại Càn-thơ, Hện nay còn dấu tích rạch Tham tướng ».

(3) Lúc mất ngài ngoài 70 tuổi. Cùng tử tiế với ngài là 2 con Tử-Hoàng. Tử Thượng. Tôn thất Xuân và hơn 50 quân tùy tùng.

(4) Đời Chau ông Thiệu công Thích có đức lớn thường tuyên bố chánh-sự trước chư hầu dưới gốc Cam đàn. Sau người đi ngang qua đây nhớ tới đức ngài không hề đá động tới cảnh á Cam đàn

Nhà Tấn. Dương Hựu (Thúc tử) sau khi đánh thắng nước Ngô, khắc bia kỷ niệm tại Nghiện sơn.

đoàn hậu tấn còn nhớ tới ngài luôn, chứ không phải vì muốn thỏa mãn bình mê thi họa của kẻ viết mấy hàng này.

« Minh-Mạng năm thứ hai (1821) đầu mùa hạ, Lại-bộ Thượng-thor, An-toàn-hầu Trịnh Cấn-Trai tự tay thảo ra tại công thự ở Kinh-đô Phú-xuân ».

Đọc xong mấy bài thi văn trích dịch, chúng tôi tự thấy trong tâm trí nảy ra nhiều cảm tưởng :

Trước hết chúng ta thấy rõ ràng tác-giả quyển « Minh bột di ngư » chính là Sĩ-lân Mạc-Thiên-Tử, còn Cấn-trai Trịnh-hoài-Đức chỉ là người xuất bản, hay nói đúng hơn, chỉ là người tái bản.

Thế thì trong *Hán Việt văn biểu* của sách « Văn đàn bảo giám » nên cải chánh lại thế này : Thay vì « *Trịnh hoài Đức : Minh bột di hoán* » nên đọc « *Mạc Thiên Tử : Minh bột di ngư văn thảo* ».

Chúng tôi lại cảm thấy hai tâm hồn rung động : Mạc-công thì lòng u hoài cố quốc phát lộ trên mấy câu thi lâm ly tình cảm ; Trịnh hân thì óc thanh-phục bức tái ba lỗi lạc rành rành hiện ra trong mấy giòng tâm niệm đề ở đầu quyển sách.

Mạc công cũng như Trịnh hân đều là người Tàu sanh trưởng ở đất Việt-nam. Họ Mạc đại-diện cho « Chiêu-anh-Các » Hà-tiên, họ Trịnh đại-diện cho « Sơn-hội » Giadinh.

Hai thi xã, Hà-tiên trước, Giadinh sau, đều có ảnh hưởng sâu xa đến nền văn học ở xứ Nam-kỳ.

Thành thử chúng ta có thể nhận rằng : dân tộc Việt-Nam về thời cổ đã chịu ảnh hưởng của người Tàu nhà Hán, tự phương Bắc đi xuống rồi về thời cận kim lại chịu ảnh hưởng của người Tàu nhà Minh tự phương Nam đi ngược lại.

Rốt sau chúng tôi bắt nhớ tới hồi thế kỷ XV, quan binh nhà Minh sang cai trị xứ ta, do một chánh sách hà khắc, tịch thu tất cả sách vở lưu hành trong nước. Rồi ba trăm năm sau, con cháu nhà Minh ấy, như giòng họ Mạc, vì tránh nạn Mãn-Thanh, sang chiếm Hà-tiên qui thuận chúa Nguyễn ta, lại bị quân Xiêm tàn phá thành trì, thiêu hủy cả sách vở Chiêu-anh-Các. Ngày nay may ra còn sót lại « Hà-tiên thập vịnh » và « Minh bột di ngư » !

Liếc người Minh thu đoạt sách vở Việt-nam với việc sách vở người Minh bị quân Xiêm đốt phá ở Thập-thành là việc tình cờ chăng ? là việc quả báo chăng ?

Dầu tình cờ hay quả báo, đều mà chúng ta rất khổ tâm nhận thấy là việc cướp sách vở cổ thời, việc thiếu sách cần kim đều xảy ra ở đất nước Việt-nam. Những sách vở ấy đều có quan hệ mật thiết tới tinh thần dân tộc Việt - Nam, vậy thử hỏi nền văn học Việt-nam bị thiệt hại là dường nào ?

Rồi đây mấy bộ sách còu « sống sót », sẽ còn bị nạn nào nữa không ?

Ông Nguyễn đồng Chi làm một công trình vĩ đại, cứu vớt lại các tác phẩm của tiên nhân ta thời cò, khi ông xuất bản quyển « Việt-nam cổ văn học sử ». Thế thì nền cổ văn học Việt-nam đã xây dựng được lớp đầu rồi.

Nếu các tác phẩm thời cận kim chưa bị thiếu hụt hết, chúng ta nên hi vọng một ông Nguyễn đồng Chi thứ nhì xây tiếp thêm nền cận kim văn học Việt nam, hầu sau này các thanh niên có óc, có tài, sẽ kiến trúc lâu đài văn học Việt-nam cho ngày thêm đồ sộ, vừa kiên cố, vừa nguy nga.

Được vậy, kẻ giới thiệu quyển « Minh bột di ngư » này cũng được hân hạnh gộp vào một viên gạch vụn.

NGẠC XUYỀN

PÉTAİN CÁCH NGÓN

A-ĐÔNG TRIẾT-LÝ HIỆP-GIẢI

Sơn-giả : ĐẶNG-THỨC-LIÊNG và HỒ VĂN-TRUNG

là một quyển sách có nhiều câu cách ngôn của Thống chế Pétain. Mỗi câu cách ngôn ấy đều có câu triết lý của bậc Thánh Hiền Á Đông phiên đối bằng Hán văn, Việt văn và Pháp văn. Lại cũng có lời phụ giải chung, thật rõ ràng.

Sách in khéo, bìa đẹp, khổ lớn, giấy tốt

dày 120 trang, Giá : Giấy thường 1 \$ 50
Giấy tốt 3 00

Mua sĩ sách và tiểu thuyết có huê hồng nhiều, xin thương lượng với : HỒ-VĂN KÝ-TRẦN

Quản lý Nhà xuất bản « ĐẠI VIỆT »

5, Rue de Reims — SAIGON

TRƯƠNG - TRỌNG - HỮU HAY TÔN-THẤT-MỸ?



ÔT hôm tinh cờ đọc quyển « NGƯỜI XUA » của ông Việt-Thường, tôi để ý đến hai vế của bài văn «*tế sống người tinh cũ*» ở trang 65 :

« Vật hòn đá tam sinh làm một lễ, cúng cho tợ mặt, trên suối vàng, có thấu hỏi nàng ơi ? »

« Rút thể hương thập nguyên thập vài tuần, khăn đã hết lời, dưới vành bạc có nhờ chăng hỏi bạn ? ».

Ông Việt-Thường cho là của Tam-Xuyên Tôn-Thất Mỹ: «*Bị phụ bạc, Tam-Xuyên làm văn tế sống người tinh cũ*» (tr. 65).

Thi ra trong khi sưu tầm văn thơ cổ Quảng-nam, tôi đã may mắn tìm ra văn thơ của cụ Trương-trọng-Hữu (1), và trong văn thơ của cụ Bồ-Lang-Châu, có bài văn tế có hai vế hơi giống với hai vế trong quyển sách của ô Việt-Thường. Tôi nói hơi giống vì ngoài đôi chữ khác, trại, hai vế của ô Việt-Thường trái ngược với hai vế của tôi, cho rõ hơn là vế đầu của tôi thành vế hai của ông V. T. và trái lại.

Hình như ô. V.T. không tìm ra cả bài văn tế ấy : nên nay tôi xin trước hãy chép bài văn ấy để ô. V.T. và các bậc thức giả dễ bề nhận xét.

« SANH-TẾ PHỤ-TÌNH-NHƠN VĂN »

« Hỡi ôi ! thương người tuổi tác ; đau khách lạc loài.
Bèo nước duyên trôi, má phấn khôn ngừng từ ấy sẽ ;
Keo sơn nghĩa gấm, lòng son biết gút thuở nào phai.
Càng củ lại càng cay, dễ mấy kẻ biết người cương quế ;
Chưa nòng mà đã lọt, dẫu một ngày cũng nghĩa trúc mai.
Vẽ chi một đoá đào yêu, hương thừa phấn thái ;
Tiếc bấy những ngày sương ngổ, liễu ép hoa nài.
Nhớ cô xưa : ba từng dốc vện, bốn đức long đời.
Thăm kín màn che trướng xū ;
Đoan trang ngọc thốt hoa cười.

(1) Lông Lang châu, phủ Duy xuyến, Quảng-nam, thường gọi là cụ Bồ Lang-châu.

Gấm dệt nên chương, vẽ hồng phấn cũng chen vai phong nhã.
Ngọc lạnh đợi giá, nền vịnh ba đá đáng mặt trang đài.
Cội xuân huyền khi xế bóng dàu, hái tảo dâng tần, khuya
sớm trăm bề hiếu kính;

Tác bồ liễu vừa tròn gương quế, gieo đào trã lý, gần xa
nổi tiếng sắc tài.

Hoa nở chung nhành, cũng hương mà cũng sắc;
Cá sinh một lứa, càng ngậm lại càng tươi.

Suốt mấy năm đan diu với tình, những mừng thầm trước
chị sau em, dây bệ tức đã đành xe lại một;

Bồng nửa phút gián hôn sinh chuyện, sao quên lúc hẹn non
thề nước, giải đồng tâm mà nở xé làm hai.

Ngọc đã về tay, ư ả ý mắng còn yêu dấu;

Hoa rơi tại cội, tiếc xuân luống những ngậm ngùi.

Đòi phen than thở tấm lòng, sự thiết đều hơn đầu phụ kể
cũ càng, châu về Hiệp-phố dốc đem về có lúc;

Ghe thuê lại qua gặp mặt, tình dài đêm vắng đã quyết nặng
lời thề-thốt, bề trăm-luân toan lấp lại mới thôi.

Cũ gió tuần trăng bở-ngỡ, dở về dở ở;

Câu thai chén rượu lân la, khi đứng khi ngồi.

Vốn đây đã có công đeo-đuối mà cô sao lại quyết lượng
hẹp-hòi?

Hay là cô nghi rằng mình là ngọc nhành vàng, cầm giá
cũ lại càng thêm qui-bóa.

Hay là cô đợi đến lúc da mồi tóc bạc, kết duyên xưa cho
dặng mần-mời?

Hay là cô tiếc những khi trăng hỡi còn non, luống khiến
ấp cây chờ bóng thỏ.

Hay là cô ngại về nỗi trâu không được lớn, thà xấu mặt
chạy ông vo?

Đã vài phen thay mặt ngoại đài, may nhờ lộc nước đủ no,
nào là vổng điều sao vẽ, trượng thế màn thêu, ngoài bình-bồng
còn chút nghĩa xa xôi, miếng chung đánh biết chi mùi ngon ngọt;

Chỉ một mực nhờ tay nội-tướng, mừng dặng việc nhà
thong thả, gặp lúc trăng rạng hoa thơm, trà sen rượu cúc, trong
khuê các nầy thiếu người thủ tục, nổi phơn duyên thêm nhiều
đoạn chua cay.

Không lấy chồng cũng mang tiếng một đời chồng, ngàn
cho con tạo thày-lay, nòng-nổi khiến tan rồi khiến hợp.

Dầu ở quả có ít chi đan-bà quả, trách bầy ông to các-cò
ngồi buồn xe tới lại xe lui.

« Ôi ! Nắng nồng cổ héo, nước chảy hoa trôi.

« Về hương thôn kiếm chốn thành nhân, tỉnh giấc mê nhớ phách suối, đàn thung, mùi đậm bạc phồng chừng ưa tắc dạ.

« Tôi thích yên tìm nơi nương dựa, khuấy niềm tục mượn tiếng kinh câu kệ, lời thị phi đành đã gác ngoài tai.

« Sông Lê-giang thăm chứa nghìn trùng, chạnh tấm lòng cổ quốc tha hương. bến nước mười hai thương chiếc bả linh-dinh cơn sóng dợn.

« Máy Hoành-lãnh sâu dằng mấy lớp, sức nghĩ nổi tiền-khiên tức-trái, tuổi non ba sáu, xot cảnh mai man mác bóng trăng soi.

« Rút thẻ hương thập-nguyên thấp vài tuần, khăn cũng hết, lời, dưới vừng bạc đã hay chẳng hạn bề.

« Vật hòn đa tam-sinh làm một lễ, cúng cho đủ mặt, trên suối vàng có thấu hơi nắng ôi !

« Chữ vài hàng đi điệu khách thiên-nhai, số hệ phải rằng chịu rủa.

« Tình ngàn dặm ngoại lâm quan địa chủ, ắt hẳn thì sự đã rồi.»

Bài này (và tất cả văn-thơ của cụ T. T. H.) tôi chép theo bản nôm viết tay của ông đương tôi. Theo lời ông đương tôi thì lúc ông học ở trường Đốc (Quảng-nam), người bạn ông, con cụ Trương-trọng-Hữu, có cho ông một tập thơ-văn của cụ T. T. H. (viết tay). Sau này, ông về chép lại (1). Ấy là bản mà tôi hiện có.

Ông đương tôi còn có cái điểm phức nhất đời là được nghe thiên tình sử đầy thơ mộng của nhà thi-sĩ lãng-mạng ấy và được gặp cách đây hăm mấy năm nàng Ngọc-Thiểm công-chúa, bây giờ đã là bà Nghè Hai, da mồi tóc sương, trong một nhà ngói cũ kỹ tại làng Lang-châu.

Ngọc-Thiểm công chúa — nàng Elvire này — chính là nguồn thơ dồi dào, say đắm của ông Lamartine Việt-Nam. Nàng là em ruột cụ bà (2) mà lại «Sắc đành đòi một, tài đành đòi hai», (oái oăm thay !) Cho nên nổi lòng của một khách đa tình mà lại cũng tài hoa như Trương sanh là chuyện dễ hiểu vì quá dĩ nhiên ! Năm qua rồi năm lại. Rốt cuộc, Trọng-Hữu đã chiếm quả tim của Ngọc-Thiểm, sau những phen xướng họa (thi), hòa nhịp (đàn).

Nhưng trước khi thực-hiện được mộng vàng, chàng ta đã biết bao lần hờn ghen và giận tủi mà chẳng có là những thi-văn còn lại.

Vậy, nếu tôi không lầm, thì bài văn tế sống này được ra

(1) Tôi tìm bản gốc chưa ra.

(2) Nghĩa là cụ vợ cụ T.T.H.

đời vào hồi đó, nghĩa là vào những phút chết ở trong lòng một ít của tác-giả.

Nhưng sở dĩ có sự lầm lộn này là vì theo quan niệm của các cụ ta, văn thơ có phải dân là đồ để cho đời, nên không có mấy khi giữ lại bản thảo. «chỉ ai nhớ được bài nào chép lại bài ấy để trao tay nhau mà đọc. Những bài dễ nhớ được truyền tụng khắp mọi nơi, thiên hạ đọc thuộc lòng mà không biết ai là tác-giả, từng thế có người đem những bài đã nhớ sẵn trong óc cho ngay thi-sĩ nào quen lên tuổi » (1). Dầu có cụ kỷ lưỡng, chép thi-văn của mình, nhưng bên cạnh thêm thi văn của bạn hữu mà không chua là của ai, vì có cần gì, chỉ một mình mình biết là được rồi !

Thế thì bài văn này một là của cụ T.T.H. ; nên cụ T.T.M. thường ngâm nga là lẽ tất nhiên, vì là bạn thân ; ông An-Son T.T. Sung sau này nhớ lại, chép ra, cho là của thân phụ mình. Hai là của cụ T. T. M. mà cụ T. T. H. chép lại trong tập văn của cụ mà không nói là của ai.

Vậy ta thử xem lý nào đúng.

- Chưa tìm được tài liệu chắc chắn, tôi chỉ liềm liềm dựa vào bài văn ấy để biện giải (démontrer) rằng tác giả nó là T. T. H.

Trước hết, bởi mấy câu : « Hoa nở chung nhành, cũng hương mà cũng sắc, cá sinh một lứa, càng ngấm lại càng tươi. Suốt mấy năm đan diu với tình, những mừng thầm trước chị sau em, đây hệ tức đã đành xe lại một... » ta dám quả quyết rằng người tình nhân được kể sống đây phải là em vợ của tác-giả. Và người phụ-tình này lại là một trang thiếu-nữ đài-các, qui-phái, có gia-giáo, môn-phong, nên mới được « thám-kín màn che, trướng rủ, đoan trang ngọc thổi hoa cười » và « cội xuân huyền khi xẻ bóng dâu » thì « hái tảo dâng tần, khuya sớm trăm bề hiếu kính ». Nếu chả được một địa-vị xã-hội như thế thì đâu dám kiêu căng « nghĩ mình là ngọc nhành vàng » ? Đã thế, lại thêm « đủ màu thì họa đủ mùi ca ngâm » (KIỀU) nên mới « gần xa nổi tiếng sắc tài ».

Còn tác-giả là người thế nào ? Là một « người tuổi tác » và là một « khách lạc loài ». Tuy « tuổi tác » mà trong lòng vẫn hực lửa yêu đương nên mới tự hào : « càng cũ ại càng cay, đề mấy kẻ biết người cương quế ». Nhưng « khách lạc loài » đó không phải là một kẻ vất vợ dâu ! Đó là một người từng « dãi vãi phen thay mặt ngoại đài », từng « nhờ lộc nước », từng sống trong cảnh « vông điều, sáo vẽ, trường thế màn thêu... »

(1) «Người xưa» trang 84.

Nhưng gặp lúc « *trăng rạng hoa thơm, trà sen rượi cúc* » mà « *trong khuê các hầy thiếu người thừ tạc* » rên « *miếng chung đình biết chi mùi ngon ngọt* » ! Lành cô đơn (1) thăm tận tâm hồn, nhà thi-sĩ, ngồi ở hiên trước công đường Hà-tĩnh tay bỏ ngỏ nâng chén bồ đào, vô-tình đưa tầm mắt xa xăm về phía nam : « *mây Hoành ảnh* (2) *sầu dăng mấy lớp* » bỗng gọi « *tấm lòng cổ quốc tha hương* » của kẻ đa-cảm đa tình, nên thi-sĩ « *thương* » trong tưởng tượng « *chiếc bá linh đình* » trên dòng « *Lệ giang* » (3) *thăm chứa nghìn trùng.* »

Theo như trên, người tình nhân phụ bạc đương tế sống đồ rất có thể là công chúa Ngọc Thiềm, em vợ của T. T. H. (và cũng là vợ của cụ sau này), và tác giả của bài văn ấy rất có thể là T. T. H. lúc cụ làm Tuần phủ Hà-tĩnh (4).

Sau cùng, muốn cho chín chắn, ta hãy đem bài văn này mà so sánh với mấy bài khác của T. T. H. Ta sẽ thấy đại ý bài nào cũng như nhau : trách người tình phụ bạc, và người tình đó được chỉ rõ là em vợ. (Vị văn thơ của T. T. H. chỉ là một thiên tình-sữ !). Ngoài sự duy nhất đại đồng ấy ta còn có thể nhận ra nhiều câu của bài văn tế này na ná giống với nhiều câu cũ các bài thi văn khác của cụ, về cả văn lẫn ý.

VĂN TẾ SỐNG : « *càng củ lại càng cay, dễ mấy ai biết người cương quế* »

TỰ TÌNH KHÚC : « *quế gừng càng củ càng già càng cay* »

V. T. S. : « *thương người tuổi tác, đau khách lạc-lai* »

T. T. K. : « *thương người lưu lạc, đau lòng đình-chung* »

V. T. S. : « *những mừng thăm trước chị sau em* »

T. T. K. : « *cũng là nghĩa chị tình em* »

V. T. S. : « *khuây niềm tục mượn tiếng kinh câu kệ* »

T. T. K. : « *sấm kinh rồi sẽ kiếm chùa tu chung* »

V. T. S. : « *may nhờ lộc nước đủ no* »

T. T. K. : « *còn nhiều lộc nước ơn vua* »

VĂN TẾ SỐNG : « *bể trầm luân toan lấp lại mới thôi* »

TẬP KIỀU : « *bể trầm luân lấp cho bằng mới thôi* »

V. T. S. : « *dầu ở quả có ít chi đàn bà quả* »

(1) Các cụ khi xưa, lúc ra làm quan ở xa thường không đem bà chính-thật theo mà chỉ đem các bà thứ, cô hầu. Đang lúc này T. T. Hữu không có bà thứ, cô hầu nào cả.

(2) tức núi Hoành-Sơn.

(3) tức sông Cẩm lệ ở Quảng nam.

(4) cụ làm Bố-chánh rồi Tuần phủ Hà-tĩnh. Lúc viết bài văn này cụ ngồi Tuần phủ nên mới « *đã vài phen thay mặt ngoại đại* » vì đó là lần thứ hai cụ làm quan ở Hà-tĩnh.

T. K. : « thiếu gì cô quả, thiếu gì bá vương »
 V. T. S. : « tình dài đêm vắng đã quyết nặng lời thề-thốt »
 T. K. : « tắm riêng riêng những nặng lời nước non »
 V. T. S. : « bỗng nửa phút giận hờn sinh chuyện »
 T. T. K. : « bỗng dưng ra sự bình lành »
 T. K. : « sự dẫu sóng gió bất kỳ »
 V. T. S. : « suốt mấy năm đan-diêu với tình »
 T. K. : « chốc dăm mươi mấy năm trời »
 T. T. K. : « chốc dăm mươi mấy năm ni »

THƠ GỎI CHO NGỌC-THIỆM : « mười chín năm tròn đêm
thất tịch ».

THƠ GỎI CHO NGỌC T. IỀM : « mười chín năm dư một ganb
tình »...

Song đến đây một dấu hỏi khổng-lồ hiện lên trong trí tôi :
 như ta đã thấy, bài văn tế sống này có đôi đoạn trào-phúng
 khôi hài ; vậy tính-cách văn-chương ấy có hợp với T. Trọng-
 Hữu, một nhà thơ lãng mạn đặc biệt không ?

Vấn biết rằng Tam-xuyên Tôn-thất-Mỹ là nhà thơ khôi-hài
 và trào-phúng, nhưng bài văn này có lý la tiếng lòng cũ Lang-
 châu lắm, vì những câu khôi hài và trào phúng ấy chỉ là những
 câu xen kẽ vào những đoạn tình-tử não-nùng, đau khổ xót-xa :
 đó là những tiếng cười mỉa-mai giữa những hơi thở dài. Than,
 rồi trách, rồi cười, rồi lầy, rồi hờn, ta được luôn luôn thấy
 diễn-tả trong các tác-phẩm khác của thi-sĩ. Ai có ngờ rằng
 trong bài Tự-tình ngâm khúc, sau những khúc thơ-tình (lyrique)
 vô-biên như : « tắm sâu còn gợi gió đông », « thương vì ôm tắm
 duyên ngâm, mây mưa lĩnh giấc như thần trong mơ... » tác-giả khôi
 hài : « đa mối tóc bạc là duyên; may ra quế nầy chồi yện cũng vừa » (!)

Tóm lại, ta đã xét ra rằng :

1'— Người tình nhân được tế sống đó rất có thể là Ngọc-
 Thiềm công-chúa ;

2'— Người tế đó, rất có thể là T. Trọng Hữu ;

3'— Và văn chương của bài văn ấy rất có thể là văn chương
 của T. T. H.

Vậy ta còn ngần ngại gì mà không dám kết luận rằng tác-
 giả bài ấy là T. T. H. ? vì dẫu này ta có những điều kiện cần
 và đủ, mà dẫu kia ta không tìm ra một lý lẽ nào chắc chắn
 có thể giữ bài văn ấy ở dưới quyền sở hữu của T. T. Mỹ : theo
 quyền NGƯỜI XUA, T. T. Mỹ không hề có một tình nhân nào
 là em vợ cả, và không hề « đã vài phen thay mặt ngoài đài », v.v.

Nhưng dầu sao, chỉ là một siển kiến của tôi, mong ông
 Việt-Thường và các bậc thức giả sẵn lòng chỉ giáo cho, nếu có
 chỗ nào sai lầm.

Saigon ngày 19 Février 1943 (Rằm tháng giêng Quý-mùi)

NẾ UY

AI LÀ NHÀ PHÊ-BÌNH ĐẦU TIỀN CỦA NƯỚC VIỆT ?



Ở khi cô dân Thiệu Sơn — à quên, nhà phê bình Thiệu-Sơn mà cũng là tác giả cuốn tiểu thuyết « Người bạn gái » — được ông mai Phan-Khôi giới thiệu mà mạnh dạn bước ra chào đọc giả Phụ-nữ tân-văn (1) thì, như ông Ưng-Quả đã nói trong một bài diễn thuyết (2), lối văn phê bình mới xuất hiện trong văn giới nước nhà. Từ đó các nhà phê bình ra đời nhan nhản như cỏ mọc sau mưa. Trương-Tửu, Trương-Chính, Trần-thanh-Mại, Hoài-Thanh, Vũ-bội-Liên, Kiều-thanh-Quế, v. v., họ phê bình về sách báo, về văn thơ, về nhân vật, mỗi người giữ riêng mục đó trong các tạp chí cận thời. Nói theo Phan-Nhưng (3), họ phê bình theo đủ lối: nào phê bình chính thống (critique dogmatique) của Brumetiere, nào phê bình ấn tượng (critique impressionniste) của J. Lemaitre, nào phê bình khoa học (critique scientifique) của H. Taine, v.v. Táo bạo hơn, họ đòi đi trước thời đại mà tuyên bố lối phê bình nhà nghề (critique professionnelle) lối phê bình sáng tác (critique créatrice) và lối phê bình đột nhiên (critique spontanée) nữa kia.

Thế là họ đang bắt chước rết văn học Pháp để rồi biệt lập môn trường, chớ thiết ra thì ở nước ta văn phê bình có đã từ lâu, dầu cho nó không có phương pháp, không thành một thống hệ. Số là đã có văn thì thi phất có qui tắc, dựa vào đó để phân biệt điểm ưu liệt của một bài, chỗ dị đồng của những tác giả, cái óc thẩm mỹ khi nào mà lại không? Trong *Văn-đài-loại-ngữ*, nhà học-giã Lê qui-Đôn đã cho ta những định luật để mà phê phán.

Về văn, ông bảo :

« Văn chương là gốc lớn để lập thân, việc lớn để kinh thế. . . Đại để cành hoa phát tiết ra ngai đều bởi hoà thuận đầy đầy ở trong. cho nên đã có đức thì hẳn có lời nói, đã có hạnh thì hẳn có văn học long lanh cánh phụng, văn vận lồng beo, chất chứa điểm tô, trong ngoài in một.

(1) P.N.T.V — số 93 trang 6. — (2) Nam Phong số 173 trang 65.

(3) «Sông Hương» số 14 trang 3.

• *Chân-tử có nói : oai nghi cho trúng độ, nói phỏ cho đúng lý, thấy đều là văn.*»

Về thi, ông bảo :

« *Thơ phát khởi ra là gốc tự lòng người...Theo tôi, làm thơ chỉ cốt có ba điều là tình, cảnh và việc. Sáo thiên nhiên vang ở trong mà tình rung động với cơ màu ; tâm con mắt đón ở ngoài mà cảnh dung hòa với ý tứ ; xem xét xưa nay, ghi thuật sự tích, Việc lại phải chú trọng ở tình thần trong sự tóm thâu. Nhưng trong ba điều ấy, càng nên ấy nhứt nhận ôn tồn làm gốc, còn chỉ thủ và âm điệu chỉ là việc thừa.*»

Xem đó ta thấy rằng nhà phê bình xưa không màng tới noãn cảnh gây nên công trình nghệ thuật, liên quan giữa tác phẩm và tác giả, ảnh hưởng của nó về hiện đại và tương lai. Đứng về phương diện văn-nghệ, họ chỉ tựa đề luận đề, chêm vào năm bảy chữ hoặc một đôi câu, nhiều lắm là một bài tựa hay là một bài bạt.

Trong văn giới Tàu và ta thuở trước, lối đoán bình ấy là phổ thông. Đọc hết các bộ tài tử, Kim-thánh-Thần khen từng câu, giải từng ý, đả thiên danh là tay phê bình độc nhất trên văn đàn Trung hoa. Trong Việt văn cũng vậy. Về phần nôm thi Vũ Trinh và Nguyễn-Lang phê bình truyện *Kim-vân-Kiều* của cụ Tiên-Điền, Lê-cúc-Hiên và Nguyễn-Tiêm-Chi phê bình và đề bạt bài dịch *Qui khứ lai từ* của cụ Thiệu Du. Về phần chữ thì đến thơ vua như *Việt sử tổng Vinh* của Tự-Đức mà cũng có Tùng-Triện-Vương và Nguyễn-tư-Giản phê duyệt, dầu cho đó chỉ là lối tán dương. Mới đây đọc *Gia-định tam gia thi*, tôi thấy thi phẩm của Lê-quang-Định, Ngô-nhơn-Tịnh và Trịnh-hoài-Đức trong Nam đã được các thi nhơn Trung Bắc như Nguyễn Tổ-Như và Ngô-lệ-Kê thưởng thức ; điều đó tỏ rằng văn học không chia ranh giới, mà sự thống nhất giữa ba xứ về địa hạt ấy đã có từ lâu. Tiến lên một bậc, nhiều tác phẩm của người Nam còn được người Tàu phê bình hay đề tựa nữa. Tỷ như bài « *di tư biên* » của Tô-Xuyên Lý-văn-Phúc có đến mười mấy danh sĩ Trung quốc đề ời ngợi khen.

Lạ chi thanh khí lễ hằng,

Một giây một bước ai dằng cho ra.

Ngày xưa ở nước ta, văn phê bình là thế, nhà phê bình là thế, nhưng muốn biết ông ty tổ về lối ấy thì lại phải tìm trong một bộ truyện ngắn kia. Ấy là chuyện *Kim-Hoa thi thoại* trong cuốn *Truyện-kỳ mạn-lục* của Nguyễn-Du về đời Lê. Chuyện này khá dài, tôi sẽ dịch đăng trong một kỳ báo sau, bây giờ chỉ tóm tắt lại và ghi một vài nhận xét.

Một câu học trò, ban đêm đọc mớ; có dịp nghe lỏm câu chuyện giữa Ngô-chí Lan và Thái-Tbuan, hai tao khách mà sau này chàng thư sinh mới biết là hai hồn ma. Sau khi lên án những ai làm thi mà trững dờn thánh thần, họ tổng phê bình thi gia đời Lê; rồi, kết luận, họ đem Úc-trai Nguyễn-Trai ví với Hồ-thiếu-Lãng mà tôn làm thi bá, vì trong thơ ông này đầy đầy « một niềm trung ái, dạ chẳng quên vua ».

Họ Ngô, họ Thái, một nữ sĩ, một thi hào, là hai nhân vật có thật. Đưa họ lên sân khấu, để lời mình trong miệng họ, chẳng qua tác giả muốn tránh những tiếng thị phi. Nhà văn, ai lại không giấu lòng tự ái? Mà dưới chế độ quân chủ chuyên chế, dễ mấy ai mà được bình bút tự do? Đó là chưa kể đến cái ngông của tưởng-tượng; thành ra đọc *Kiểm hoa thi thoại*, tự nhiên ta phảng phất nhớ tới *dialogue des moris* của Fontenelle.

Giải quán quân về thi đàn đem treo cho Úc-trai Nguyễn-Trai, ấy là một điều ta nên lưu ý. Như mọi người đều biết, từ Lê thành Tôn trở đi, thi ca văn học, lần xa đạo lý mà thiên trong tư chương, hơi có vẻ « nghệ thuật vì nghệ thuật. »

« Gió thông đưa kẻ ta niềm tục,

« Hồn bướm mơ tiên ân sự đời.

hai danh cú này, đọc lên, bắt ta mê cái đẹp mà quên phần đạo.

Độc lập, táo bạo, Nguyễn Dữ đã dám đi ngược trào lưu, Thiệt ra, đầy màu hoa gấm, thi từ của ông cũng diễm lệ lắm kia nhưng nghệ sĩ bị che lấp bởi nho gia, trong thâm tâm ông còn giữ cái nhớ nhung về thuyết chánh thống. Học vấn chi bác, qui hữu thực dụng (học vấn rộng là cốt có thực dụng) thì văn chương chỉ là lợi khí để phụng sự đạo đức, tôn trọng luân lý, tại bồi lễ giáo; văn chương phải giữ điệu trung hậu, theo danh từ của Hoàng-ngọc-Phách (1), chớ có đâu được khinh bạc phú ba.

Thi Úc-Trai? Nó thác tạp mà phong phú. Cảnh nhiều điểm chuyết, tình cũng lâm ly, có chỗ lại vẫn vương một vài triết lý. Từ chỗ miên tả đời sống diễm đạm đến chỗ phò bày quan niệm hiếu trung, mỗi mỗi đều có cái vẻ ung dung ôn hòa của một nhà nho chơn chánh. Cảm giác ấy nảy ra khi đọc nguyên văn, chớ không phải trích lục vài câu làm chứng mà biểu lộ được. Bên thi sĩ Úc-Trai, ông già ở Côn-Sơn còn có một danh biểu khác cho ta nhớ: Nguyễn-Trai, khai quốc công thần. Thế thì sắp Úc-Trai vào hạng nhất, phải chăng Nguyễn-Dữ cũng đồng một ý kiến với viện Hàn lâm Pháp, họ đã khoác cho một ít vĩ-nhơn danh tướng cái áo mau lá xanh (l'habit vert)?

VIÊN-GIÀ

(1) Thời thế và văn chương.

DIỄN GIẢ VÀ VĂN SĨ



NHIỀU người lộn bài diễn thuyết với bài văn. Có một lúc, ở thành Nhả - diễn và ở thành La-mả, những nhà diễn-giả cũng tỉ mỉ viết bài mình, cạo gọt từ câu còn hơn các cậu « công tử » kim thời cạo gọt bộ mặt của các cậu, rồi học thuộc lòng từ chữ, rồi trã thuộc lòng từ đầu chí đuôi với giọng rói và dặng-điệu kỳ-xảo của mấy người kếp hát; nếu ai mạo hiểm ứng khẩu một chút gì thì bị khép ngay vào tội trái phép hay thất lễ. Mấy lần đầu tiên bước lên diễn-đàn, ông Bourdaloue, ông Lacordaire, ông Lamartine, ông Thiers cũng không tránh khỏi cái phương pháp đó. Gần hết những nhà đại cách-mạng Pháp hồi thế kỷ XVIII đều đọc những bài diễn văn của các ông, những bài diễn văn đã viết và sửa rất kỹ lưỡng mà, trước khi bước lên đoạn đầu đài, các ông cậy mấy người thơ-ký gởi cho hậu thế.

Sự lầm lạc ấy nảy ra, vì bởi văn-sĩ và diễn giả có nhiều chỗ giống nhau.

Như văn sĩ, diễn-giả cũng kiếm những ý từ thuộc về văn đề mình nói, và những ý đó mà thôi, sắp đặt nó từ lễ và bày tỏ nó với những chữ trùng, rõ, bóng bẩy. Người cũng một lòng căm phục những bài của ông Voltaire, những bài của ông Anato'e France. Người cũng dầy đập dưới chơn những từ hoa của Catho, của Crissotin, của ông Nghị trong cuốn Mme Bovary. Giữa một cử tọa ồn ào, trước những kẻ nghịch nhiệt-lệt ngất lời, nhiệt liệt phản đối, người vẫn giữ thái độ bình tĩnh, người vẫn tự chủ, người cũng nói đúng theo luật mẹo, chỉ rằng người có một ý lực (volonté) mạnh mẽ. Linh hồn của bài văn, tính hợp cách (correction) cũng là linh hồn của bài diễn thuyết. Như văn-sĩ, diễn-giả cũng đòi văn mình tùy theo vấn đề và tùy theo hoàn cảnh. Ông Poincaré. Tổng trưởng bộ Tài chánh, và ông Poincaré trạng sư có hai giọng nói khác nhau. Cùng giảng về Thiên-mạng (providence), ông Bossuet tại Dijon thì làm cho vững lòng và an ủi, còn ở Paris thì làm cho kinh ngạc và hăm dọa, vì thính giả nơi này toàn là bậc quyền qui giàu sang, chỗ kia, toàn là kẻ nghèo nàn khổ sở.

Nhưng mấy chỗ giống nhau chút đỉnh ấy không đủ đòi nhà văn sĩ tước khắc ra nhà diễn giả. Hai nhà nghệ thuật còn có nhiều chỗ không hợp nhau.

Cuốn sách là công việc của một trí não làm một mình trong một phòng giấy êm lặng; bài diễn văn sanh ra bởi sự hội hợp của diễn giả và thính giả mà ông Lucien le Foyer, một thân sĩ thành Paris, sánh với con đực và con cái.

Cũng như các nhà mỹ thuật khác, nhà văn sĩ có thể sửa một chữ, một câu, một đoạn trong cuốn sách mình. Thính giả rất bủn xỉn, chỉ cho diễn giả một chút thì giờ để tỏ điểm tư tưởng và chỉ cho tỏ điểm một lần mà thôi, bài diễn văn là một cô Minerve cầm đủ binh khí thoát ra nơi miệng của diễn giả,

Một bài văn hay như một bức tranh khéo, một bài âm-nhạc thâm-trầm không sợ không-gian và thời gian; một bài diễn-thuyết hùng hồn chỉ được noau-nghinh trong chốc-lát; sau khi cử tọa tản ra, ai còn thấy được tất cả cái điểm-lệ nó? Phòng biếu là một mỹ thuật đẹp hơn hết, mà chóng tàn hơn hết.

Nhà văn-sĩ tìm được một ý hay, kiếm được một câu văn đẹp, tự ý gắn cái hay cái đẹp ấy trên giấy; ai khen, người mừng; ai chê, người không buồn; ai nguyên-rủa người vui lòng nhân lấy. Trước khi viết cái ý-kiến trái-thường về lòng từ thiện: « *Tôi mới làm một việc quấy; tôi đã bỏ thì* », ông A. France biết rằng nhiều người sẽ bắt bẻ, tuy vậy, ông vẫn làm theo ý muốn ông; vì cuốn *Immortel*, vì cuốn *Tartarin de Tarascon*, ông A. Daudet bị nhiều kẻ đá hay sẽ có chôn trong hàn-lâm-viện, những người miền Nam nước Pháp, ghét bỏ, thù hiềm, song ông cũng cứ noi theo con đường mà ông đã tự vạch.

Độc giả của nhà văn sĩ, cũng như độc giả của nhà làm báo rải rác khắp hoàn cầu, ngồi một mình trong phòng giấy, chỗ nóng gần quạt, nơi lạnh gần lò sưởi, chẳng quản gì đến nắng mưa tuyết gió. Nhưng độc giả của nhà viết báo, nhiều khi — nhất là trước sự nguy khốn của quê-hương; — quên hết cả tính của mình, đều cùng một ý tưởng, cùng một tình cảm, cùng một linh hồn: bởi vậy nhà viết báo cần phải biết tâm lý quần chúng, một môn học mà nhà văn sĩ không cần tới. Đẹp cả việc thể gian lại một bên, các độc giả của văn sĩ thường thức riêng những ý tưởng hay, những câu văn đẹp, những tiếng tăm ở ngoài tới và chết tại cái hàng rào chạy xung quanh nhà họ. Họ đủ thì giờ đọc đi đọc lại một câu, một đoạn, một chương. Nhờ sự êm lặng,

trí phê bình họ chẳng giảm bớt chút nào : họ thấy một điểm
đỏ trên một cái áo gấm đẹp dễ. Bởi vậy, những tác phẩm của
văn sĩ phải là những món trang sức quý giá, chạm kh-o, lau
chùi kỹ lưỡng mà người bán đồ nữ trang (joaillier) trưng ra
trước mắt mỗi người.

Thính-giả thì tụt lại một chỗ. Chúng đông hay ít tùy theo
chỗ rộng hay hẹp, tùy theo tiếng nói của diễn giả lớn hay nhỏ
và tùy theo bề cao của khí-áp-biểu. Những bài diễn-văn mà
được nhiều người hoan-nghinh là có một phần nhờ trời
trong, thời tiết mát mẻ. Những giọt mưa từ trời cao đổ xuống
là bao nhiêu thanh sắt, giam cầm mỗi người trong nhà. Đứng
hay ngồi khít nhau, thính giả lây cho nhau tình cảm và ý tưởng
một cách dễ dàng, và dễ dàng trở nên một quần chúng tâm-lý :
tâm-lý quần chúng là một môn học cần yếu của diễn giả. Vì
đồng đảo, nên chúng tự tưởng có một sức mạnh vô địch. Căm
giác về trách nhiệm tiêu mất trong trí chúng. Chúng dễ cho bản
năng xô ra như nước lụt tràn qua đê vỡ.

Chúng có thể gánh vác những việc phải đáng kính và
nhúng tay vào những tội ác tày trời. Quần áo đã mặc, vật thực
không đủ nuôi thân, tay không đủ bình khí, chúng có thể đi
ủng hộ một tấc đất cho quê hương hay đi giải thoát mồ
phần của một vì thiên chúa, Mà chúng cũng có thể làm cho
máu chảy thành sông, thấy chết như núi trong vụ Saint
Barthélemy hay trong những vụ tàn sát tháng chín năm 1792
bên Pháp. Bởi vậy diễn giả không nên làm mất lòng thính giả.
Muốn giáo huấn trẻ con, ông Fenelon có khuyên ta tùy theo
tánh tự nhiên của nó ; lời khuyên ấy cũng con giá trị khi ta
muốn giáo huấn quần chúng. Chèo ngược giòng, giảng buồm
nghịch theo chiều gió là một việc làm mà diễn giả phải tránh.
Hết thấy con đường đều dắt đến thành La-mã, diễn giả phải
lựa một con đường đẹp, dễ đi, mặc dầu con đường ấy dài.
Nếu cái ngó, cái cử chỉ của diễn giả ảnh hưởng đến ý-kiến
của thính giả, cái ngó, cái cử chỉ của thính giả cũng ảnh hưởng
đến lời nói của diễn giả.

Coi bộ thính giả không bằng lòng vì một chữ, vì một ý,
diễn giả phải lập tức đổi chữ ấy, lập tức rải trên ý ấy những
từ hoa làm cho vui lòng thính giả. Cũng như trẻ con, thính giả
không hiểu câu : « Thuốc đắng dã tật ». Trong cuốn Jules César
của ông Shakespeare, ông Antoine đứng ra diễn tế nhà đốc tài.
Xung quanh ông, dân sự náo động, hoài nghi, thù nghịch. Mỗi

lời khen César, mỗi lời chê Brutus sẽ là một lưỡi gươm đâm vào tim ông. Khúc đầu, khi ông có nói điều gì tốt cho César, ông cũng phải thêm câu: « Ông Brutus là một người đáng tôn kính ». Đến khi ông biết rằng ông có thể áp phục quần chúng, ông mặc dầu tán-tụng César, không cần phải nói lại câu khen tặng Brutus, — câu khen ấy, lúc bấy giờ chỉ làm cho quần chúng nguyên rủa Brutus mà thôi. Độc giả thay đổi ý kiến lâu, thỉnh giả le.

Một câu tục ngữ có nói: « Lời nói, cũng như cây tên, hễ buông ra, thì không hề trở lại ». Đối với lời hùng biện, lời khuyên ấy không nghĩa lý gì. Trí nhớ của quần chúng thì phần tỷ lệ với số đông của nó. Lời hứa mà diễn giả thốt ra giống như một ngọn gió mạnh thổi trên cây sậy: gió còn thổi sậy còn cúi đầu; gió ngừng sậy đứng ngay lại. Trong cuốn « L'opinion et la foule », ông Gabriel Tarde có thuật chuyện một người ra ứng cử chức thân sĩ: trước bốn ngàn thỉnh giả, người ấy tuyên bố rằng nếu người được ít thăm hơn người đối phương, thì kỳ nhì, người không ra tranh nữa. Người được ít thăm hơn, mà kỳ nhì người cũng vẫn ra tranh, và người đắc cử. « Lời nói bay đi, chữ viết còn lại. »

(Còn tiếp)

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

ĐÃ CÓ BÁN

Thi văn bằng chữ Hán, ở Nam-kỳ không có đã lâu. Nay Đặng thục-Liên sanh mới xuất-bản một tập: « Tiểu Phủ-viên, Hán văn, Thi văn Toàn tập ». Trong tập ấy ghi chép những lời ngâm vịnh từ Bắc qua Tàu và trở về Nam, nhiều lời tiêu tao nhã thú lắm.

* Các bạn nên xem qua cho biết. Giá mỗi tập: 0.50

Sách có đã bán tại Bồn-quán, số 5, đường Reims, và tại nhà riêng Đặng liên sanh ở đường Colonel Grimaud, Saigon.

RU'ONG VÀNG CỦA CON TÔI

của Mỹ-Ấm TRƯƠNG-VĨNH-TỔNG

(Tiếp theo)



HỌ nên kẻ làm chồng đối với vợ lúc ban sơ kết tóc, chẳng nên vì ái tình đương đắm thắm mà quá cung chuộng, quá tưng tiu khiến cho người vợ lấy đó làm thói quen, rồi về sau tình ý chút trẽ-tràng, thì liền đem lòng oán vọng. Tôi chường tình duyên đã cũ, cũng chẳng nên vì nhan sắc suy, khí lực suy, mà quá khi lờn, quá rẻ rúng, khiến cho người vợ thấy mình thay lòng đổi dạ, mà than nỗi bạc tình. Miễn làm sao đừng thắm chóe phai, lúc nào cũng nghiêm trang, cũng trọng hậu, thủy chung như nhứt, mới hậu giữ được toàn đạo vợ chồng.

Cái buổi đời phong-hoá đời bại này, ta thường thấy những người đàn bà bỏ chồng lấy trai, vì họ thấy anh trai kia bình dung chải chuốt bảnh bao hơn chồng họ, thái độ tử tế dịu dàng hơn chồng họ, chắc rằng ái-tình cũng sẽ đắm thắm hơn. Nhưng nào họ có biết đâu anh trai kia đối đãi với họ lúc này là buổi mới lạ lòng, lẽ nào chẳng sưa đáng làm tốt cho chải chuốt bảnh bao, uốn nết dẫn lòng cho dịu dàng tử tế, chứ đối đãi với người vợ của họ, có lẽ còn tệ bạc tồi tàn hơn là chồng của mình đối với mình. Cái đó đã đành là chị vợ trác nết lẳng lơ, nhưng xét tới nguyên nhân, thì cũng do anh chồng lười đạo tề gia, mà làm cho vợ mình chán ghét vậy. Trái lại, kẻ làm chồng vì chán vợ mình hoa tàn nhụy rữa mà đem lòng thay cũ đổi mới, té ra lại dụng nhằm phải gái giang-hồ nhụy rữa hoa tàn, mới của ta nhưng đều là cũ của người ; rốt cuộc đâu cũng vào đó hết thấy.

Nếu người mình tình ngộ ra cái thời dả man ấy là hại cho cả chồng và vợ, thì lại nên ngoài đầu trở về mà học theo đạo xưa, kia : ông Đại-Thuần đủ xữ trí cho hai vợ thuận hòa, mà vua Đường-Nghiêu nhường cho ngôi thiên-tử (tích ở kinh Thư) ; người Khích-Khuyết vợ chồng kính nhau như khách, mà vua

Tấn-Văn phong cho chức đại-phu (tích ở Tả-truyền). Thuyết nghĩ rằng: muốn trị nước ắt trước trị nhà và trị nhà khó mà trị thiên hạ dễ vậy. Đó mới thấy cái lẽ Vợ chồng là đầu muốn hòa và Đạo quân tử gây mối vợ chồng.

Về quyền-ban trong gia-đình, từ lâu phe nam-tử có phần nhiều chấp lẽ *phu xướng phụ tùy* và nghĩa *tất kinh tất giới* (1), coi nữ-nhi là phái yếu, mà người chồng thì đóng vai thứ nhì tro g tấn thông *tam tông*, bắt họ phải phục theo (2), rồi đó đối với vợ thì kêu *mây xưng tao*, kiêu mạn vô lễ, thậm đến đối giam cầm họ không được ra khỏi cửa buồng xó bếp, cấm đoán họ không được dự quyền việc của việc nhà, làm cho tức nước vỡ bờ, nên ngày nay họ phải vận động nữ-quyền mà phản-kháng lại. Cái đó là phe nam-tử lạm-dụng chủ-nghĩa chuyên-chế mà chiếm lấy độc-quyền; nhưng chỉ chuyên-chế được bọn đào thơ liễu yếu mà thôi, còn đối với hạng đàn bà hung dữ nào, họ vừa trừng ngó thì ông chồng đã mất hồn khiếp vía, chớ chuyên quyền làm sao được nổi.

Tấn lên đối với hạng đàn bà chánh đáng, là các trang: nữ thánh hiền, nữ hào kiệt, nữ quân tử, nữ anh tài..., thì người chồng muốn nhường quyền cho họ liền, chớ có đâu nói đến chuyện chuyên chế.

Đàn bà ở đời còn có một hạng dữ tợn không chuyên chế nổi, một hạng thảo-hiền không nở chuyên chế, thì kẻ làm chồng đối với hạng thường thường bậc giữa, hay là hạng ngày thơ khờ dại, cũng nên cầm cái thái độ không nở chuyên chế, chẳng nên thi hành cái thủ đoạn mềm nắn *ràng buông* lắm chi. Phải biết rằng câu *Phu xướng phụ tùy*, câu *Tất kinh tất giới* và nghĩa *Tam tông* đó là ý rằng dạy đàn bà nên giữ nết nhu-thuận kinh tông, chớ không phải là nghĩa xúi-giục cho đàn ông áp chế người vợ. Vì từ đời Trung-cổ, phe nam-tử bắt theo pháp luật chuyên chế, mới biện ngang nghĩa sách mà đề xướng lên cái thuyết *nam tôn, nữ ty; nam quý nữ tiện* (traí cao gái thấp; trai sang gái hèn) ấy, nhưng xét ra thánh kinh hiền-truyện, có sách nào có cái chủ-nghĩa *bất bình đẳng* như vậy bao giờ?

Coi như đức Khổng tử viết truyện kinh Châu-Dịch nói rằng: « *Lập nên đạo trời là âm và dương; lập nên đạo đất là nhu*

1. « *Â* kinh ắt rão đứng trái ý người chồng là cấm mọ dọ con gái lúc về nhà chồng (Nội tắc kinh Lễ).

2. « *Nghĩ Lễ*: đàn bà có nghĩa theo; chưa chồng theo cha, có chồng theo chồng; chồng thác theo con.

và cương; lập nên đạo người là trai và gái », thì chữ âm với chữ dương, chữ nhu với chữ cương, và chữ trai với chữ gái, đều vẫn đề sắp-đôi với nhau, thứ tự có xê-xít một chút mà thôi, chớ có đâu cách tuyệt như trời với vực. Vả lại, loài người ta sánh với trời đất mà thành tam tài đó, thì cũng đủ có trai có gái. chớ phần trai có ý tài độc lập ở trong vòng trời đất được sao? Cứ lẽ tự-nhiên, thì đối với luân-lý vợ chồng, đức Khổng-tử lại có câu nói: « Vợ là người bằng bậc với mình đó, há chẳng nên kính hay sao? » (1)

Coi vậy thì kêu là Nam nữ bình quyền chẳng phải thuyết mới của phương Thái-tây, chính tại phương Á đông ta từ xưa vẫn có nghĩa đó.

Vậy vợ chồng thế-gian ngày nay nên theo nghĩa sách mà xử, hầu khiến cho trong gia-đình có vẻ thuận hòa. Mà thuận-hòa chẳng những là cái vẻ mỹ-quan mà thôi, coi cổ ngữ Tàu có câu: « Vợ chồng hòa thì đạo nhà nên », ngàn ngữ ta cũng có câu: « Thuận vợ thuận chồng, tát biển đông cũng cạn », thì thấy rằng cái khí thuận hòa nó còn làm cho nên cơ nghiệp, nên mối nên giềng. Bởi vì việc đời cần phải hiệp mưu mới nên, huống chi việc nhà, hễ vợ chồng hiệp đồng ý với nhau, thì việc gì cũng có thể rồi được hết thảy; trái lại, nếu vợ chồng mỗi người mỗi ý, thì trống đánh xuôi, kèn thổi ngược, không thể làm nên được việc gì.

Song, kêu là Thuận là Hòa, là nghĩa người chồng giữ cái thái-độ công bình, không riêng-tây, không giấu-diếm, phạm công việc trong nhà đều bàn-tán với vợ, để hiệp đồng ý, hễ vợ bàn phải thì mình lờm lẩy, nếu vợ bàn quấy thì mình sửa đi. phải có cái ý cương quyết mình đoán ở trong trí mình, chớ không có thể nhứt thiết nghe vợ và giao trọn quyền cho vợ được. Nghĩa là địa-vị trong gia-đình thì chồng là ngôi chánh, vợ là ngôi phó, ngôi phó thì chỉ có chức phận tham mưu hiệp nghị; còn trách nhiệm tài quyết định-đoạt thì ở ngôi chánh cầm lấy quyền-cương.

Bởi vì đàn-bà bầm-thọ cái khí âm-nhu, phần nhiều có tánh chất thiên-tư am-nhuợc, nếu giao quyền cho chủ trì gia-chánh, thì hoặc tối về lẽ phải, hoặc thiên về ý riêng, hoặc dạ niềm xảy ra mối thù, hoặc lười dãi xây nên nền loạn, ít có phần khỏi hư hỏng công việc, mà trái ngược tình người.

(Còn tiếp)

1 — Nguyên câu trong kinh Lễ rằng: Thế giả tề giả, khả bất kính ư?
bổ?

ÁI-TÌNH MIẾU

TIỂU-THUYẾT CỦA HỒ ĐIỀU-CHÁNH

(Tiếp theo)



HÚC ngồi suy nghĩ một hồi rồi nói : « Tánh cô Lý tuy lãng mạng, song trí của cô cao - thượng. Trước khi cho cô biết ý tôi muốn xin cưới cô, tôi cần phải tỏ thiệt tâm sự của tôi cho cô rõ hết đầu đuôi mới được, không nên giấu cô. Tôi có thể gặp cô dạng nói chuyện riêng với cô hay không? »

Cô Mỹ lật-dật đáp :

— Được chứ. Anh muốn gặp chỉ chừng nào cũng được. Anh muốn lên nhà thăm chỉ hay không ?

— Tôi muốn gặp cô một mình dạng nói chuyện, sợ lên nhà cô không tiện.

— Ông thân chỉ thường hay đi xuống dưới tiệm, bỏ chỉ ở nhà có một mình. Anh muốn thăm chỉ, thì em dắt anh đi.

Trường cản rằng ; « Không nên. Nhà của cô Lý không phải là chỗ để Phúc đến tỏ tâm sự được. Tôi muốn Phúc gặp cô Lý chỗ khác để nói chuyện hơn. »

ô Mỹ hỏi : « Chỗ nào ? Anh muốn em mời chị Lý xuống nhà mình cho anh Phúc nói chuyện hay sao ? »

Trường lắc đầu đáp : « Không. Tôi muốn Phúc mời cô Lý lên nhà trên Bến-súc chơi cho biết, rồi như dịp ấy muốn nói chuyện gì với cô thì nói ».

Phúc dự dự một chút rồi mới nói với Trường :

— Mỗ sẵn lòng mời cô lắm, song không biết cô chịu đi hay không. Toa với chị Trường làm ơn mời giúp được hôn ?

— Được. Đề ma femme với mỗ mời giúp cho. Có vợ chồng mỗ đi, thì chắc cô chịu đi.

— Mà toa với chị Trường phải hứa chắc với mỗ một điều này : đừng nói trước cho cô Lý biết sự mỗ muốn xin cưới cô, nghe hôn.

— Nói trước làm chi. Sự ấy để cho toa nói chứ.

— Mỗ cũng chưa chắc mỗ phải nói hay không ; đề mỗ

tổ tâm-sự của mỗa cho cô biếu, mỗa dọ-dầm ý cô, rồi mỗa sẽ nhứt định.

— Toa muốn bữa nào vợ chồng mỗa dắt cô Lý lên ?

— Bữa nào cũng được, tự ý toa định.

— Bữa nay thứ ba, vậy bữa chúa nhứt tới đây tụi mỗa lên chơi được hôn ?

— Được. Lên sớm ở chơi tới chiều mát rồi sẽ về.

— Được. Cũng như mỗa lên hôm trước vậy.

Cô Mỹ mừng và nói : « Anh Trường bày chuyện đó hay lắm. Hôm nay chị Lý đòi lên thăm anh Phúc hoài, bởi vậy hễ em rữ thì chắc chỉ chịu liền. Để chiều nay em lên mời chị ».

Hẹn hò xong rồi, Phúc từ giả vợ chồng Trường mà về liền, không chịu ở lại ăn cơm trưa.

VIII

PHÚC đi Saigon về, thì liền thưa cho mẹ hay rằng bữa chúa-nhứt sẽ có vợ chồng giáo-sư Trường với cô Lý lên chơi. Bà giáo Viên hỏi cô Lý là ai, thì Phúc cất nghĩa cô ấy là chị em bạn của vợ Trường, hôm đi Dalat có cô đi nữa. Bà giáo thấy con trước kia không ưa đờn bà con gái, mà bây giờ lại rước khách phụ nữ, thì bà lấy làm lạ, song bà không nói ra, thăm tính để dò ý con coi có phải nó đã đổi tánh hay không. Nếu thiệt quả nhờ giáo-sư Trường khuyên giải mà con bà đổi ý, chịu cưới vợ, thì bà mừng lắm vậy.

Mấy bữa rày bà giáo Viên biếu bạn bè đưa quét trong nhà, đưa dọn ngoài vườn cho sạch sẽ. Bà lại sai người kiếm vịt mập gà tơ mà mua sẵn đặng để dành đãi khách.

Còn Phúc mỗi ngày cứ đi rảo ngoài vườn, kiểm coi những trái cây nào chín, những trái thơm nào già rồi ghi nhớ đặng chúa nhứt hái mà đãi bạn Saigon. Phúc lại gia công dọn dẹp cái nhà mát ở phía sau vườn, là chỗ hôm nọ Trường thích hơn hết, biếu bạn lau bàn sạch sẽ, đem ghế thêm mà để cho đủ 4 cái, lại để ít cái ly đặng mức nước dưới suối mà uống hoặc rửa tay rửa mặt cho tiện.

Đến bữa chúa nhứt, mới tảng sáng thì Phúc đã thay y phục rồi, mặc quần kaki vắn, mặc áo sơ-mi cũng kaki, chơn mang giày cao su xám, bộ coi gọn gàng lắm. Tuy vậy mà bà giáo không vừa ý nên bà nói :

— Có khách Saigon mà con mặc đồ như vậy coi sao được. Con có đặt may mấy bộ đồ Tây mới, sao con không lấy ra mà bận ?

— Con ở chốn vườn rẫy thì phải mặc y phục theo vườn rẫy, chớ mặc đồ tốt sao được. Đồ tốt đó để khi nào đi xuống Thủđầumôt, hoặc xuống Saigon sẽ bận.

— Có đờn bà con gái, con phải ăn mặc cho tử tế chớ.

— Người ta kính trọng mình là tại cái gì, chớ có phải tại y phục đâu. Nếu người ta vì y phục nên kính trọng thì con không màng sự kính trọng ấy,

— Tánh ý con khác hơn người ta quá. Thôi, con làm sao tự ý con, má không cãi nữa. Bây giờ má hỏi con vậy chớ con có coi rượu chát còn mà đãi khách hay không ?

— Thưa còn. Rượu củ ở nhà còn ít chai. Mà hôm đi Sài-gòn con có mua thêm một chục chai nữa, khách uống sao cho hết.

— Rượu tốt hơn ?

— Thưa, tốt lắm,

— Đồ ăn má sắp đặt xong rồi hết. Má cũng dả có sai bày trẽ lên chợ mua thịt heo sốt rồi nữa.

— Mình ở vườn, khách tới thì mình đãi đồ theo vườn, cần gì má phải lo lắm.

— Khách Saigon mình phải đãi khá-khá một chút, chớ đãi theo khách vườn họ ăn sao được, con.

— Anh em bạn của con. chớ phải quan quyền gì hay sao mà má ngại.

— Anh em bạn cũng vậy chớ, Người ta tưởng tình nên lên thăm chơi, con phải tiếp đãi cho tử tế.

Hai mẹ con nói chuyện tới đó, kể nghe có tiếng xe-hơi ở phía Thủđầumôt chạy lên. Phúc ngó ra ngoài lộ thì thấy xe của Trường. Vì Trường đã quen chỗ rồi nên chuyển nẩy biểu sớp-phơ chạy thẳng vô sân mà đậu.

Phúc bước ra tiếp chào. Trường mở cửa xe leo xuống trước. Cô Mỹ với cô Lý tiếp theo sau. Hai cô mặc y phục sắc sảo, lại trang điểm đẹp-đẽ, nhất là cô Lý mặc quần trắng áo xanh, màu áo dọi nước da mặt của cô làm cho sắc cô càng thêm xinh đẹp.

Trường nói với Phúc :

— Hai cô muốn lên thiệt sớm đăng thừa trời mát đi dạo vườn chơi, nên bắt mả phải đi hồi 5 giờ khuya.

— Ô ! Tôi không dè hai cô ham vườn đến nỗi chịu cực thức dậy sớm mà đi như vậy.

(Còn tiếp)

